

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST
Ngày 07/08/2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NNH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NNH DÂN HUYỆN YK - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lực.

Các Hội thẩm nNH dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cương.

2. Ông Lê Thanh Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Việt Phúc, Thư ký Tòa án nNH dân huyện YK, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nNH dân huyện YK tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Quỳnh, Kiểm sát viên

Ngày 07/08/2020 tại trụ sở Tòa án nNH dân huyện YK, tỉnh Ninh Bình; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 52/2020/TLST-HNGĐ ngày 15/06/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/07/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị H sinh năm 1988; địa chỉ xóm 3, xã KT, huyện YK, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

Bị đơn: Anh T sinh năm 1986; địa chỉ xóm 3, xã KT, huyện YK, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 09/06/2020, bản tự khai ngày 23/06/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị H trình bày: Chị H và anh T tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký tại UBND xã Hùng Đô, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ ngày 11/07/2011. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc; từ năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nNH là do tính tình không hợp, anh T chơi bời không chịu khó làm ăn, không quan tâm gì đến vợ con; anh T đã đánh chị H 04 lần, ngày 16/04/2020 anh T đánh chị H phải đi Bệnh viện điều trị đến ngày 20/04/2020 xuất viện; từ tháng 08/2019 anh T đưa cháu NH lên tỉnh Phú Thọ ở cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị H xin được ly hôn với anh T. Về con, vợ chồng có 02 con là cháu NH sinh ngày 08/04/2013 và cháu Th sinh ngày 22/04/2017; chị H đề nghị nếu anh T có nguyện vọng nuôi con thì giao cháu NH cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Th cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; các

bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về tài sản, vợ chồng không có tài sản, vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Tại bản tự khai ngày 23/06/2020 và tại phiên tòa, bị đơn là anh T trình bày: Anh T và chị H tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký tại UBND xã Hùng Đô, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ ngày 11/07/2011. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc; từ năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau; vợ chồng vẫn chung sống với nhau nhưng không quan tâm gì đến nhau nữa; tháng 04/2020 vừa qua anh T có tát chị H là sai; nay anh T vẫn còn yêu thương vợ con, nên anh T không đồng ý ly hôn với chị H. Về con, vợ chồng có 02 con là cháu NH sinh ngày 08/04/2013 và cháu Th sinh ngày 22/04/2017; anh T đề nghị nếu ly hôn giao cháu NH cho anh T nuôi dưỡng, giao cháu Th cho chị H nuôi dưỡng, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về tài sản, vợ chồng không có tài sản; vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YK tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến đối với vụ án: Thẩm phán được pNH công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ tranh chấp; xác định đúng tư cách đương sự; đã tiến hành thông báo, xác minh, mở phiên họp và thời hạn xét xử đúng quy định. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

- Về ly hôn: Cho chị H ly hôn với anh T.
- Về con, giao cháu NH cho T nuôi dưỡng, giao cháu Th cho chị H nuôi dưỡng; các bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.
- Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án như sau:

[1] Thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Chị H khởi kiện “Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với anh T, việc khởi kiện của chị H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh T có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại xã KT, huyện YK, tỉnh Ninh Bình; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện YK thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về yêu cầu ly hôn:

Chị H và anh T tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký tại UBND xã Hùng Đô ngày 11/07/2011; theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, thì hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp.

Lý do ly hôn, theo chị H khai từ năm 2015 mâu thuẫn vợ chồng do tính tình không hợp, vợ chồng không quan tâm gì đến nhau, anh T còn đánh chị H. Anh T thừa nhận từ năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau, anh T có tát chị H.

Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định vợ chồng chị H và anh T đã không còn yêu thương quý trọng nhau, không chăm sóc giúp đỡ nhau, đó không quan tâm gì đến nhau, vợ chồng không tôn trọng đến danh dự, uy tín của nhau; dẫn đến hôn nhân giữa chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của H, cho chị H và anh T ly hôn.

[3] Về nuôi con:

Chị H và anh T có 02 con là cháu NH sinh ngày 08/04/2013 và cháu Th sinh ngày 22/04/2017. Tại phiên tòa chị H và anh T thỏa thuận giao cháu NH cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu NH trưởng thành, giao cháu Th cho chị H nuôi dưỡng cho đến khi cháu Th trưởng thành.

Xét việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con sau ly hôn vừa là quyền và cũng là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con; thực tế từ tháng 8/2019 cho đến nay cháu NH đang sinh sống và học tập cùng với anh T và bà nội tại tỉnh Phú Thọ. Nên chấp nhận thỏa thuận của chị H và anh T, giao cháu NH cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu NH trưởng thành; giao cháu Th cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Th trưởng thành; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[4] Về tài sản: Chị H và anh T đều trình bày vợ chồng không có tài sản; vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

[5] Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

- Về ly hôn: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H, cho chị H và anh T ly hôn; quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con: Chấp nhận thỏa thuận giữa chị H và anh T, giao cháu NH sinh ngày 08/04/2013 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu NH trưởng thành; giao cháu cháu Th sinh ngày 22/04/2017 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Th trưởng thành; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Anh T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Th được sống chung với chị H và anh T có quyền được thăm nom, chăm sóc cháu Th; chị H không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc cháu Th.

Chị H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu NH được sống chung với anh T và chị H có quyền được thăm nom, chăm sóc cháu NH; anh T không được cản trở chị H trong việc thăm nom, chăm sóc cháu NH.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị H phải chịu 300.000 đồng án phí về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0002205 ngày 11/06/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện YK, chị H đã nộp đủ án phí về việc ly hôn.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện YK
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Lực